

KINH TẾ VĨ MÔ T10 VÀ TRIỂN VỌNG TTCK T11

Bạch An Viễn vien.ba@miraeasset.com.vn

Bùi Ngọc Châu chau.bn@miraeasset.com.vn

Trần Thị Ngọc Hòa hoa.ttn@miraeasset.com.vn

Tháng 11/2020

This material is produced by Mirae Asset Securities Vietnam and cannot be used as an advertisement for investment recommendation and cannot be distributed to investors. The information contained in this material was obtained from reliable materials and information, but we cannot guarantee its accuracy or stability. Therefore, in any case, this data cannot be used as proof of legal liability for the investment results of customers.

NỘI DUNG CHÍNH

I. Cập nhật Kinh tế Việt Nam T10

II. Tổng quan TTCK Việt Nam T10

III. Triển vọng VN-Index T11

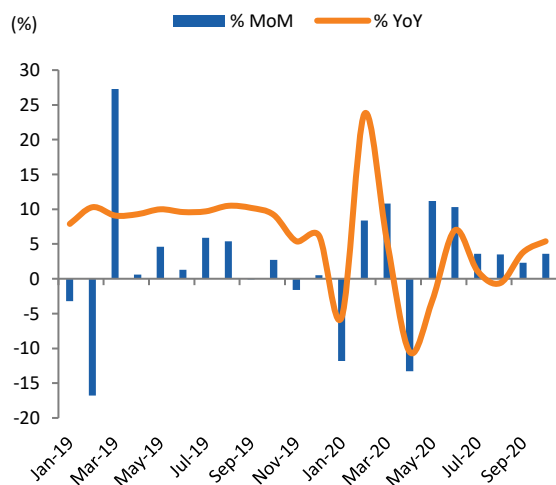
I. Cập nhật Kinh tế Việt Nam T10

- ❑ **Sau khi phục hồi trong T9, Kinh tế Việt Nam tiếp tục khởi sắc rõ nét hơn trong T10 với các tín hiệu lạc quan từ sản xuất, xuất nhập khẩu, đầu tư và tiêu dùng**
 - Sản xuất công nghiệp tăng mạnh nhất trong 3 tháng
 - Tăng trưởng XK mở rộng tháng thứ 5 liên tiếp
 - Thu hút FDI mới tăng vọt lên mức cao nhất 9 tháng
 - Nới lỏng tài khóa tiếp tục được đẩy mạnh đi kèm với thâm hụt ngân sách ngày càng mở rộng
 - Tiêu dùng trong nước duy trì đà phục hồi
 - Tình hình đăng kí DN cải thiện
 - Ổn định vĩ mô được củng cố với lạm phát giảm tốc và tỷ giá duy trì ổn định
- ❑ **Dù vậy, nền kinh tế vẫn tồn tại khó khăn ở một số lĩnh vực**
 - Khách quốc tế trong tháng 10 vẫn ở mức thấp
 - DN tạm dừng hoạt động có thời hạn duy trì ở mức cao

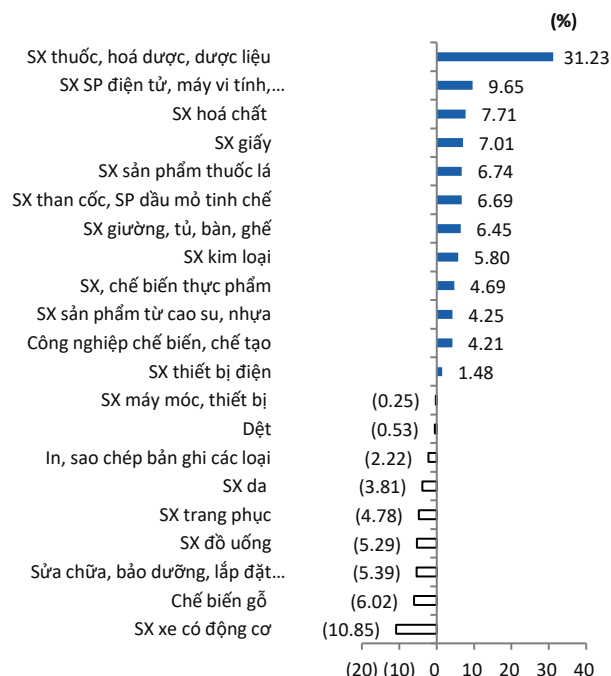
I.1- Sản xuất công nghiệp T10 tăng mạnh nhất trong 3 tháng

- ❑ **Chỉ số Sản xuất công nghiệp (IIP) T10 tiếp tục đà phục hồi với mức tăng 3,6% MoM và 5,4% YoY, cải thiện so với mức tăng trưởng 2,3% MoM và 3,8% YoY trong T9.** Trong đó, IIP các ngành chủ chốt ghi nhận mức tăng tốt so với cùng kỳ năm ngoái, bao gồm Công nghiệp chế biến, chế tạo (+4,8% MoM và +8,3% YoY); Cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải (+0,9% MoM và +9,9% YoY). Ở chiều ngược lại, Sản xuất và Phân phối điện bất ngờ giảm 2,4% MoM do ảnh hưởng của bão lụt nghiêm trọng ở khu vực miền Trung. Khai khoáng mở rộng xu thế giảm với mức giảm 14,5% YoY, sau khi giảm 5,7% YoY trong T9.
- ❑ Lũy kế 10T2020, IIP toàn ngành công nghiệp tăng 2,7% YoY, tiếp tục cải thiện so với mức +2,4% YoY trong 9T2020.
 - Mức tăng nói trên thấp hơn nhiều so với mức tăng 9,5% YoY của 10T2019.
- ❑ Sản xuất công nghiệp, dẫn đầu là Công nghiệp Chế biến, cho thấy khả năng phục hồi tốt sau khi VN kiểm soát dịch thành công lần hai và các hoạt động kinh tế bước vào trạng thái bình thường mới. Động lực chính đến từ nhu cầu cải thiện, thúc đẩy sản lượng sản xuất gia tăng.

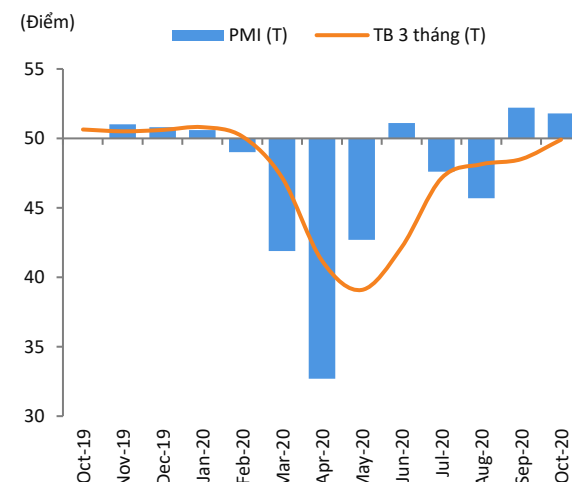
Hình 1. Tăng trưởng IIP theo tháng



Hình 2. IIP 10T2020 CN chế biến chế tạo (% YoY)



Hình 2.1. PMI



I.2 – Tăng trưởng XK mở rộng tháng thứ 5 liên tiếp

- ❑ **XK trong T10 ước đạt 26,7 tỷ USD, duy trì mức tăng trưởng cao +9,9% YoY, mặc dù giảm nhẹ 1,7% MoM.**
- ❑ **Lũy kế 10T2020, XK ước đạt 229,27 tỷ USD, tăng 4,7% YoY, mở rộng đà tăng trưởng trong 5 tháng liên tiếp.**
 - XK sang Mỹ tăng trưởng 24,0% YoY sau 10T (so với mức 22,9% YoY trong 9T) đóng vai trò là động lực chính cho tăng trưởng XK. XK sang thị trường Trung Quốc tăng tốc trở lại với mức tăng 14,0% YoY (so với 12,7% YoY trong 9T). XK sang EU chưa cải thiện rõ rệt với mức giảm -3,0% YoY (so với -2,6% YoY trong 9T) do ảnh hưởng của COVID bùng phát. XK sang Hàn Quốc và Nhật mở rộng mức giảm, lần lượt -2,6% YoY và -7,0% YoY (-2,0% YoY và -5,7% YoY trong 9T2020). ASEAN (-11,6% YoY) tiếp tục thu hẹp so với mức giảm 12,5% YoY trong 9T.
 - XK máy móc, thiết bị, phụ tùng tiếp tục tích cực với mức tăng 42,0% YoY (so với +39,8% YoY trong 9T2020). XK điện tử, máy tính, linh kiện có dấu hiệu giảm tốc, tuy vẫn duy trì tăng trưởng cao +24,3% YoY (so với +25,9% YoY trong 9T), tiếp đến là mặt hàng Gỗ (+12,4% YoY). XK Điện thoại và linh kiện; Thủy sản ghi nhận sự cải thiện khi thu hẹp đà giảm ở mức lần lượt -4,5% YoY và -2,5 % YoY (so với -5,5% YoY và -3% YoY trong 9T2020). XK các mặt hàng truyền thống chưa ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực, gồm Dệt may (-10,3% YoY), Giày dép (-10,9% YoY).

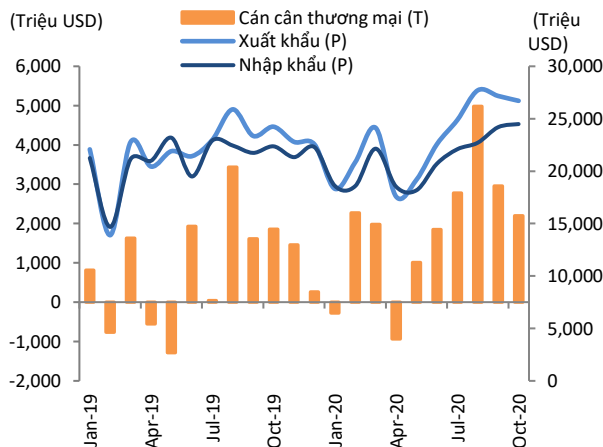
Bảng 1. XNK T10 và 10T2020

Xuất khẩu			Nhập khẩu		
	Kim ngạch XK (Tỷ USD)	Tăng trưởng %YoY		Kim ngạch NK (Tỷ USD)	Tăng trưởng %YoY
Tháng 10	26.70	+9.9	Tháng 10	24.5	+10.1
10T2020	229.27	+4.7	10T2020	210.55	+0.4
Các thị trường chính			Các thị trường chính		
Mỹ	62.30	+24.0	Trung Quốc	65.8	+6.2
Trung Quốc	37.60	+14.0	Hàn Quốc	37.4	-5.3
EU	28.90	-3.0	ASEAN	24.4	-8.5
ASEAN	18.90	-11.6	Nhật Bản	16.5	+2.5
Nhật	15.60	-7.0	Mỹ	11.6	-2.4
Hàn Quốc	16.30	-2.6	EU	11.8	+4.2
Các mặt hàng chính			Các mặt hàng chính		
Điện thoại và linh kiện	42.00	-4.5	Điện tử, máy tính, linh kiện	51.2	+20.2
Điện tử, máy tính, linh kiện	36.20	+24.3	Máy móc thiết bị, dụng cụ	29.7	-0.6
Dệt may	24.70	-10.3	Điện thoại và linh kiện	12.6	+4.0
Máy móc, thiết bị, phụ tùng	21.00	+42.0	Vải	9.5	-13.0
Giày dép	13.40	-10.9	Sắt thép	6.7	-17.0
Gỗ	9.60	+12.4	Chất dẻo	6.7	-10.7
Thủy sản	6.80	-2.5	Sản phẩm chất dẻo	5.8	+9.6
Cán cân thương mại tháng 10: xuất siêu 2.2 tỷ USD					
Cán cân thương mại 10T2020: xuất siêu 18.72 tỷ USD					

1.2 - Tăng trưởng XK mở rộng tháng thứ 5 liên tiếp (tt)

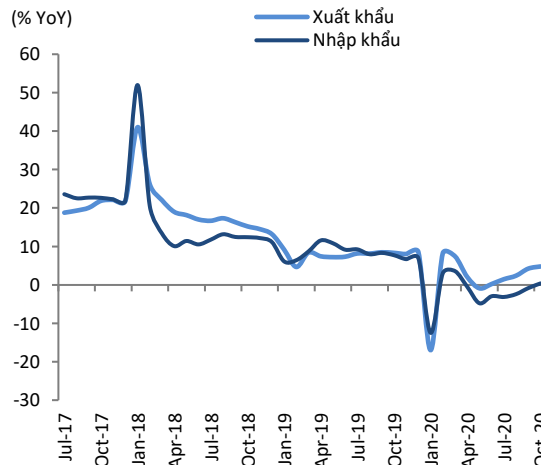
- ❑ **Nhập khẩu T10 ước đạt 24,5 tỷ USD, tăng tốc 2,0% MoM và 10,1% YoY. Lũy kế 10T2020, NK ước đạt 210,55 tỷ USD, trở lại tăng trưởng dương +0,4% YoY.**
 - NK T10/2020 tiếp tục đà tăng trưởng liên tiếp từ T5/2020 trong bối cảnh XK cải thiện và hoạt động sản xuất dần khôi phục.
 - Nhập khẩu Điện tử, máy tính, linh kiện tiếp tục mở rộng đà tăng ở mức +20,2% YoY (so với mức +17,8% YoY trong 9T). NK các sản phẩm đầu vào sản xuất như Chất dẻo, Máy móc thu hẹp đà giảm. NK Sắt thép và Vải tiếp tục suy giảm ở mức lần lượt -17% YoY và -13,0% YoY.
- ❑ **Thặng dư TM hàng hóa duy trì tích cực, ước đạt 2,2 tỷ USD trong T10. Theo đó, thặng dư 10T2020 xác lập mức cao kỉ lục mới gần 18,22 tỷ USD.**
 - Thặng dư TM với Mỹ tiếp tục tăng trưởng nhanh trong khi thâm hụt TM các đối tác chính Châu Á như TQ và Hàn Quốc giảm.
 - Tuy nhiên, mức thặng dư thương mại đang có xu hướng giảm trong 2 tháng gần đây trong bối cảnh NK cải thiện.
- ❑ **Hoạt động XK Q4 được dự báo còn gặp nhiều thách thức do dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên thế giới nhưng đã xuất hiện các tín hiệu tốt.**
 - Xuất khẩu một số mặt hàng Dệt may, nông lâm thủy sản tiếp tục cải thiện và thu hẹp đà suy giảm nhờ động lực từ EV FTA.
 - Hoạt động xuất khẩu tiếp tục khởi sắc ở các thị trường quan trọng, gồm Mỹ, Trung Quốc và ASEAN.
 - Nhập khẩu các mặt hàng đầu vào phục vụ sản xuất trong nước cải thiện, phát tín hiệu phục hồi của lĩnh vực sản xuất.

Hình 3. XNK và cán cân thương mại theo tháng

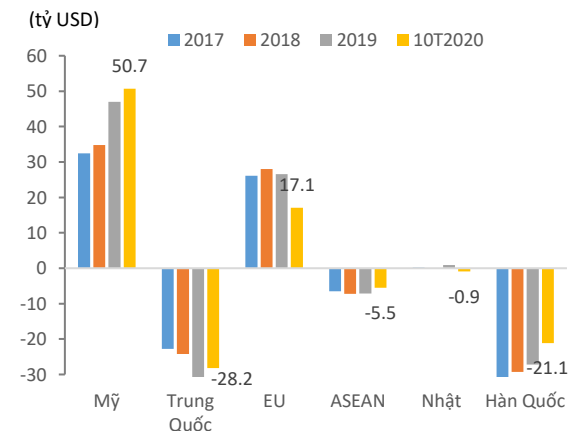


Nguồn: GSO

Hình 4. Tăng trưởng XNK lũy kế YTD

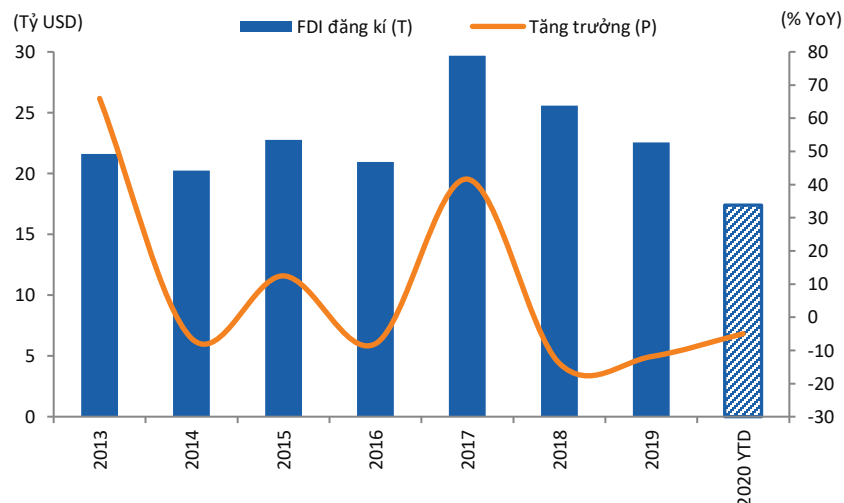


Hình 5. Cán cân TM với các đối tác chính



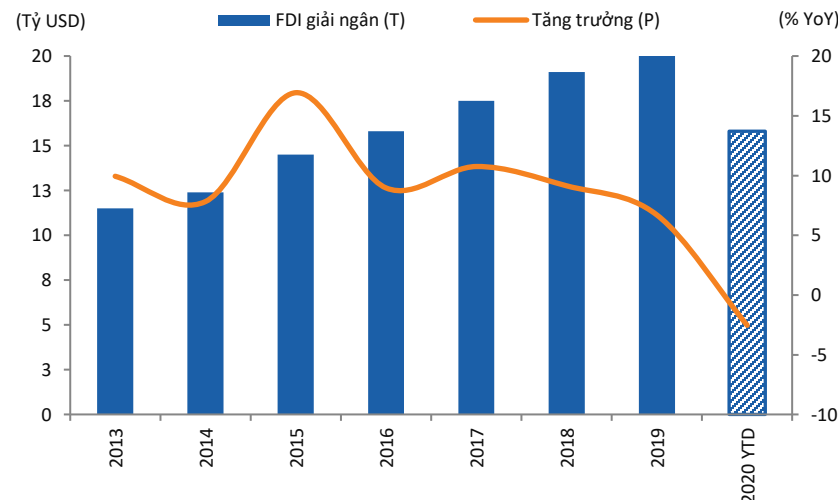
- ❑ **Tổng số dự án mới trong T10 đạt 153 dự án, tương đương T9/2020, với tổng FDI mới ước đạt 1,3 tỷ USD, tăng vọt 85,7% MoM, đạt mức cao nhất 9T.**
 - Trong khi đó, FDI đăng ký bổ sung trong tháng đạt 600 triệu USD, tăng 200% MoM.
 - Tổng thu hút FDI T10 đạt 1,9 tỷ USD, +111% MoM, cao nhất 3 tháng cho thấy dòng vốn FDI phục hồi tích cực.
- ❑ **10T2020, tổng vốn đăng kí mới và tăng thêm ghi nhận ở mức cao với 17,4 tỷ USD, chỉ giảm nhẹ 4,9% YoY**
 - Có tổng 2.100 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 11,7 tỷ USD, giảm 32,1% YoY về số dự án và giảm -8,6% YoY về số vốn đăng ký. Qui mô đầu tư mỗi dự án ghi nhận gia tăng đáng kể.
 - Châu Á tiếp tục là nhà đầu tư FDI lớn nhất trong 10T, dẫn đầu là Singapore, Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông (TQ) và Đài Loan. Điều đó phản ánh làn sóng tái cơ cấu chuỗi cung ứng vẫn đang diễn ra và VN đang hưởng lợi từ quá trình này.
- ❑ **FDI thực hiện 10T2020 ước tính đạt 15,8 tỷ USD, giảm -2,5% YoY.**
 - Riêng FDI giải ngân T10 đạt 2 tỷ USD, xấp xỉ mức cùng kỳ năm ngoái, và là tháng giải ngân cao thứ 2 kể từ đầu năm (chỉ sau T9).

Hình 6. Thu hút FDI



Nguồn: GSO

Hình 7. Giải ngân FDI



I.3 – Thu hút FDI mới tăng vọt lên mức cao nhất 9 tháng (tt)

Bảng 2. Thu hút FDI theo quốc gia và lĩnh vực 10T2020

Theo quốc gia (triệu USD)	Số dự án	Tổng vốn đăng ký	Vốn đăng ký mới	Vốn bổ sung
Singapore	197	5,990.0	5380.8	609.2
Trung Quốc	294	1,815.2	1340.7	474.5
Hàn Quốc	528	2,635.0	1101.1	1533.9
Đài Loan	102	1,126.7	934.8	191.9
Đặc khu hành chính Hồng Kông (TQ)	179	1,190.0	909.4	280.6
Theo lĩnh vực (tỷ USD)		Tổng vốn đăng ký	Vốn đăng ký mới	Vốn bổ sung
Công nghiệp chế biến, chế tạo		9.2	5.1	4.1
Sản xuất, phân phối điện		4.7	4.8	-0.1
Khác		3.5	1.8	1.7

Nguồn: GSO

- ❑ 10T2020, tổng thu ngân sách Nhà nước (NSNN) ước tính đạt 1.018,6 nghìn tỷ đồng, giảm 10,1% YoY và đạt 67,4% dự toán năm. Đáng chú ý, mức giảm của thu ngân sách phần nào thu hẹp trong T10 (9T2020 giảm 12,3% YoY) nhờ các hoạt động kinh tế khởi sắc trong 2 tháng qua. Dù vậy, thu ngân sách vẫn đang chịu áp lực do các chính sách miễn giảm thuế và thu từ dầu thô và XNK suy giảm.
- ❑ Trong khi đó, tổng chi ngân sách ước tính đạt 1.183,3 nghìn tỷ đồng (+8,2% YoY, bằng 67,7% dự toán năm) với việc chi đầu tư phát triển tiếp tục nhảy vọt +38,4% YoY (9T tăng 35,0% YoY), phản ánh các chính sách nới lỏng tài khóa nhằm hỗ trợ tăng trưởng đang được đẩy mạnh. Riêng tổng vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN 10T đạt 354,6 nghìn tỷ đồng +34,4% YoY. Trong thời gian tới, các dự án hạ tầng quan trọng như dự án Sân bay Long Thành, Cao tốc Bắc Nam... đóng vai trò chính trong việc thúc đẩy đầu tư công.
- ❑ Tuy nhiên, thâm hụt ngân sách không ngừng mở rộng lên mức 164,7 nghìn tỷ đồng sau 10T, phản ánh cân đối của Chính phủ đang xấu đi và làm hẹp không gian cho các nỗ lực nới lỏng hơn nữa chính sách tài khóa trong trung hạn do áp lực tỷ lệ nợ công gia tăng. Dù vậy, trong ngắn hạn, Chính phủ có thể vẫn ưu tiên trong việc thúc đẩy đầu tư công như một công cụ quan trọng nhằm đưa nền kinh tế trở lại quỹ đạo tăng trưởng hậu COVID.

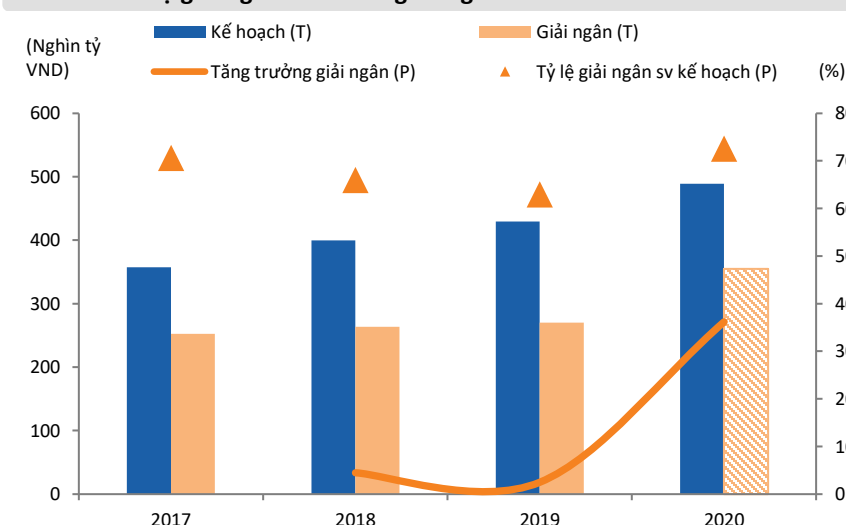
Bảng 3. Tình hình thu chi NSNN trong 10T2020

(Nghìn tỷ đồng)	10T2020	So với KH năm %	Tăng trưởng % YoY
Thu ngân sách	1,018.6	67.4	-10.1
Thu nội địa	846.6	67	-6.8
Thu từ dầu thô	28.4	80.7	-36.9
Thu từ XNK	142.7	68.6	-19.3
Chi ngân sách	1,183.3	67.7	8.2
Chi thường xuyên	801.8	75.9	3.5
Chi đầu tư và phát triển	288.7	61.3	38.4
Thanh toán lãi vay	85.4	72.3	-1.7
Cán cân NSNN	-164.7		

Nguồn: GSO

Ghi chú: * Số liệu giải ngân ngân sách Nhà nước tính trong 10T2020

Hình 8. Tốc độ giải ngân NSNN tăng trong 10T2020



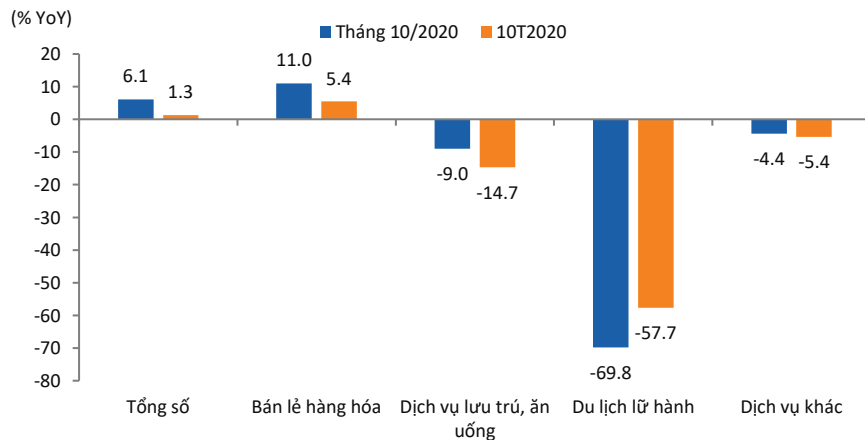
Bảng 4. Các dự án đầu tư công trọng điểm GD 2020-21

Các dự án đầu tư công trọng điểm	Vốn đầu tư (Ngàn tỷ VND)	Khởi công	Dự kiến hoàn thành
Dự án cao tốc Bắc-Nam			
Cam Lộ (Quảng Trị)–La Sơn	7.7	Tháng 9/ 2019	2020
Cao Bồ (Ninh Bình)–Mai Sơn (Ninh Bình)	1.6	Cuối 2019	2020
Cầu Mỹ Thuận 2	5.0	Tháng 2/2020	2023
Mai Sơn (Ninh Bình)–QL45 (Thanh Hóa)	12.3	Tháng 9/2020	Cuối 2022
Vĩnh Hảo (Bình Thuận)–Phan Thiết (Bình Thuận)	11.2	Tháng 9/2020	Cuối 2022
Phan Thiết (Bình Thuận)–Dầu Giây (Đồng Nai)	13.7	Tháng 9/2020	Cuối 2022
QL45 (Thanh Hóa)–Nghị Sơn (Thanh Hóa)	6.3		
Nghị Sơn (Thanh Hóa)–Diễn Châu (Nghệ An)	8.4		
Diễn Châu (Nghệ An)–Bãi Vọt (Hà Tĩnh)	13.3		
Nha Trang (Khánh Hòa)–Cam Lâm (Khánh Hòa)	7.6		
Cam Lâm (Khánh Hòa)–Vĩnh Hảo (Bình Thuận)	10.9		
Dự án cao tốc Mỹ Thuận–Cần Thơ	5.4	Cuối 2020	2022
Dự án sân bay Long Thành - Giai đoạn 1	109.2	2021	2025
Nâng cấp đường băng sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất	4.0	Tháng 7/2020	2021
Tổng	216.6		

Nguồn: Mirae Asset tổng hợp

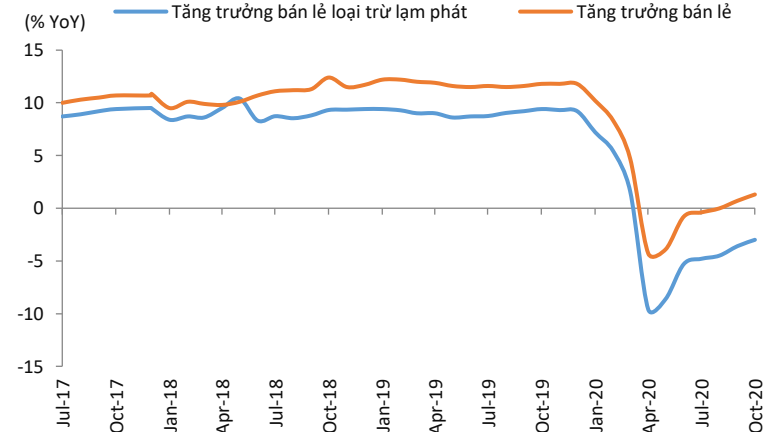
- ❑ **Tiêu dùng trong nước T10 cho tiếp tục đà phục hồi.** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng T10 tăng 2,2% MoM và 6,1% YoY
 - Doanh thu bán lẻ hàng hóa trong T10/2020 đạt 356,3 nghìn tỷ đồng, tăng 2,4% MoM và tăng 11,0% YoY.
 - Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống (+2,3% MoM) và du lịch lữ hành (đi ngang so với tháng trước) duy trì đà phục hồi tích cực, sau khi giảm sâu trong T8, dù các hoạt động này vẫn ghi nhận mức giảm 9,0% YoY và 69,8% YoY.
- ❑ **Lũy kế 10T2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 1,3% YoY, nếu loại trừ yếu tố giá giảm -3,0% YoY (tiếp tục thu hẹp đáng kể so với mức giảm -3,6% YoY trong 9T2020).**
 - Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 3.263 nghìn tỷ đồng, mở rộng đà tăng lên mức +5,4% YoY. Dịch vụ lưu trú, ăn uống (-14,7% YoY) và doanh thu dịch vụ lữ hành (-57,7% YoY) tiếp tục ghi nhận sự thu hẹp tốc độ giảm.
- ❑ Hoạt động Bán lẻ hàng hóa các tháng cuối năm dự kiến phục hồi rõ nét hơn do dịch bệnh đã được kiểm soát, thu nhập người dân cải thiện nhờ các hoạt động kinh tế dần trở lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, Dịch vụ lưu trú và Du lịch lữ hành kỳ vọng có sự phục hồi tốt hơn trong mùa du lịch cuối năm và nhờ việc các đường bay quốc tế dần trở lại hoạt động.

Hình 9. Bán lẻ và dịch vụ (chưa loại trừ yếu tố giá)



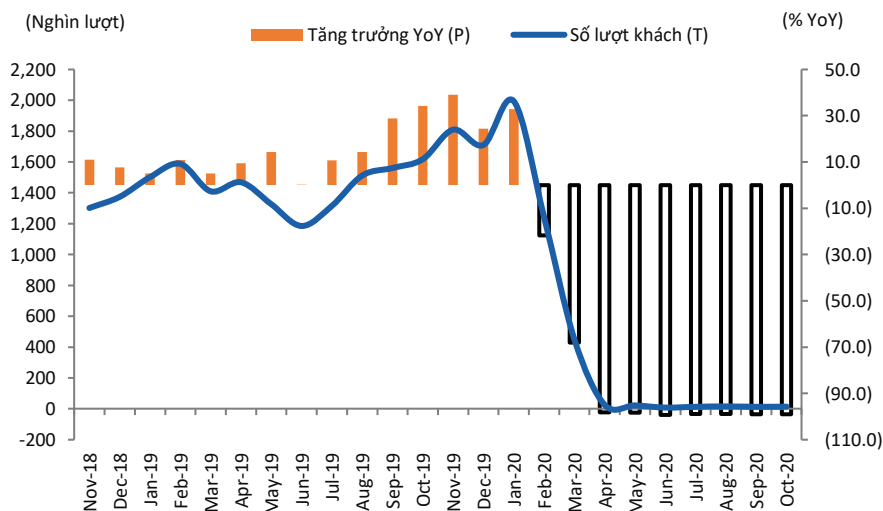
Nguồn: GSO

Hình 10. Tăng trưởng bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng 10T2020



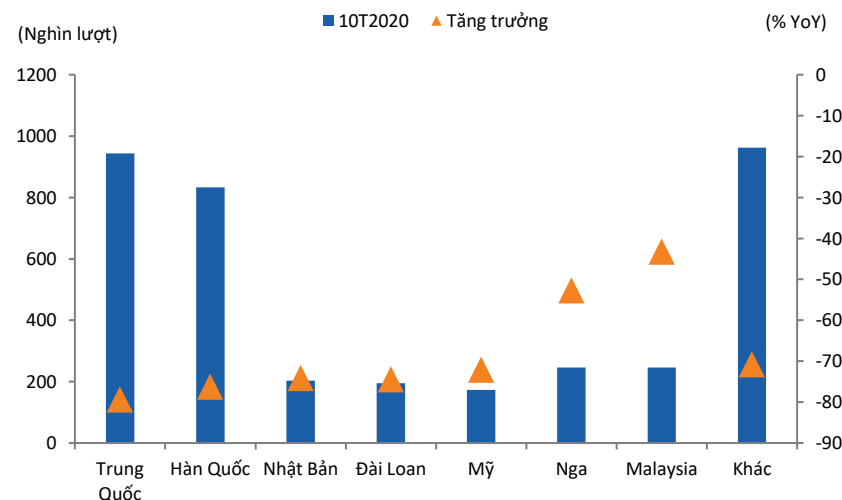
- Khách quốc tế đến Việt Nam trong T10/2020 tiếp tục kém lạc quan khi vẫn duy trì mức sụt giảm mạnh -99,1% YoY, tuy tăng trưởng 7,2% MoM. Tính chung 10T2020, khách quốc tế tiếp tục duy trì ở mức thấp 3,8 triệu lượt (-73,7% YoY).
- Với việc làn sóng lây nhiễm mới đang bùng phát tại Châu Âu và tình hình dịch bệnh trên Thế giới vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, lượng khách quốc tế nhiều khả năng sẽ chỉ phục hồi với tốc độ chậm. Tuy nhiên, việc dịch COVID-19 được kiểm soát tốt ở Việt Nam cùng với các phương án cách ly hợp lý đối với khách quốc tế sẽ hỗ trợ cho hoạt động du lịch, đầu tư và thương mại.

Hình 11. Khách quốc tế sụt giảm liên tiếp kể từ COVID-19 bùng phát



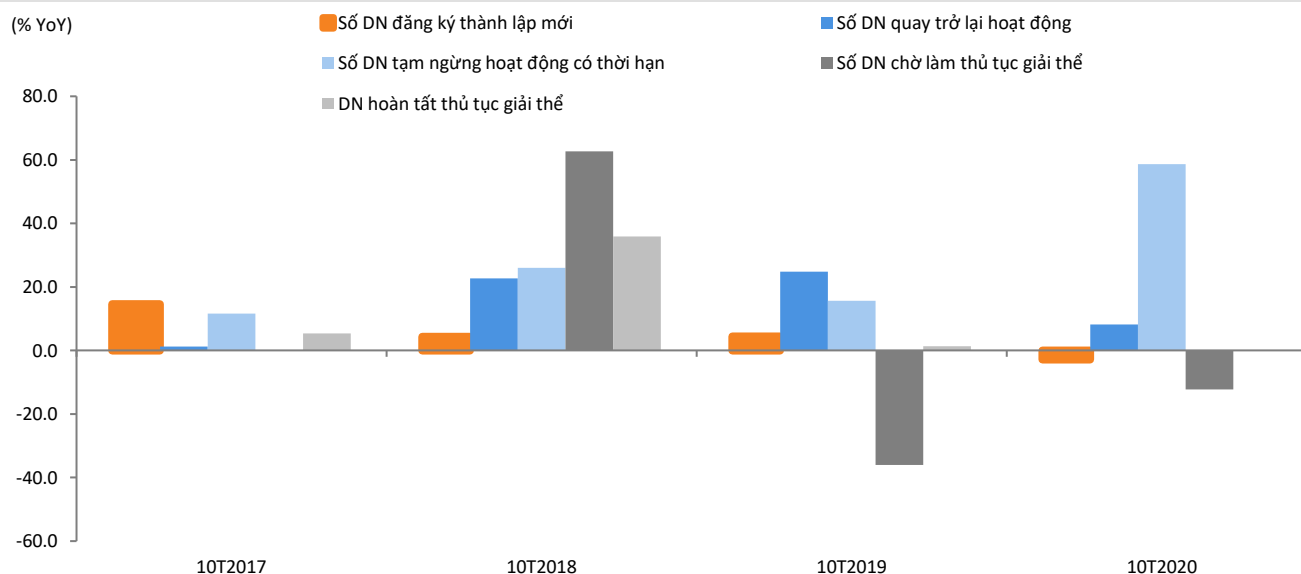
Nguồn: GSO

Hình 12. Khách quốc tế tới Việt Nam 10T2020 theo quốc gia



- Tình hình đăng ký doanh nghiệp tháng 10/2020 khởi sắc so với tháng trước. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong tháng 10/2020 tăng 18,4% MoM; số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 10,4% MoM.
- Tính 10T20, cả nước có gần 111,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 2,9% YoY, quy mô vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 14,3 tỷ đồng, tăng 14,4% YoY. Có 37,7 nghìn DN quay trở lại hoạt động, tăng 8,2% YoY. Số doanh nghiệp tạm dừng hoạt động có thời hạn tăng 58,7% YoY (so với +81,8% YoY trong 9T2020, ở mức 41,7 nghìn doanh nghiệp). Tuy số doanh nghiệp ngừng hoạt động tiếp tục tăng nhưng tốc độ tăng đang chậm lại.

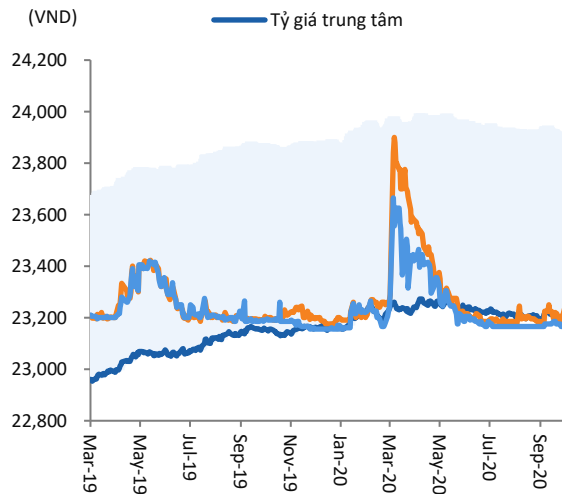
Hình 13. Số DN tạm ngừng hoạt động ở mức cao trong 10T2020



Nguồn: GSO

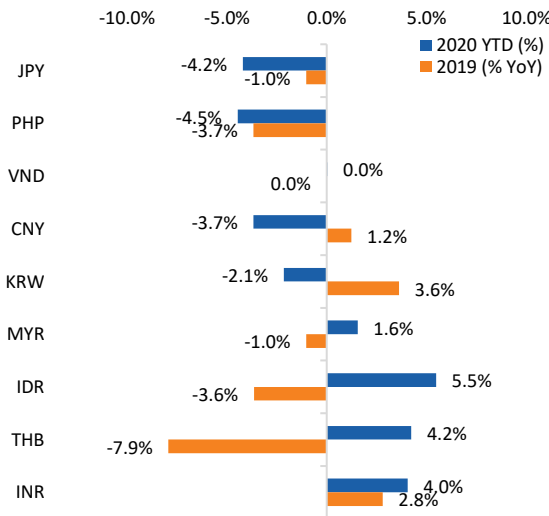
- ❑ Dự trữ ngoại hối Việt Nam tiếp tục được tích lũy tích cực sau khi cán cân thương mại đạt kỷ lục và thu hút FDI duy trì mức cao, bù đắp cho sự suy giảm kiều hối và nguồn thu ngoại tệ từ du lịch.
- ❑ Theo đó, tỷ giá VND/USD tiếp tục xu hướng đi ngang từ T7/2020 và hầu như không thay đổi so với đầu năm trong bối cảnh đồng USD dự báo tiếp tục duy trì mức thấp khi FED tuyên bố duy trì lãi suất gần bằng 0% trong dài hạn kết hợp với các gói kích thích kinh tế.
- ❑ Tỷ giá VND/USD được kì vọng duy trì ổn định tương đối nhờ vào: 1) Cán cân thương mại tăng vọt; 2) Dòng vốn FDI vào Việt Nam tiếp tục tích cực với làn sóng dịch chuyển sản xuất cùng với lượng kiều hối ổn định kể từ đầu năm; 3) Cơ chế điều tiết cung cầu ngoại tệ linh hoạt của NHNN Việt Nam giúp tỷ giá ổn định; 4) Đồng USD dự báo sẽ không mạnh lên do các gói kích thích kinh tế qui mô lớn và chính sách hỗ trợ nền kinh tế của FED.

Hình 14. Tỷ giá VND/USD



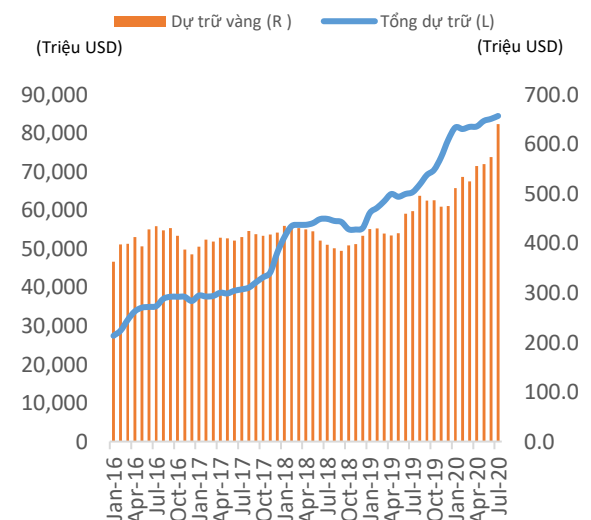
Nguồn: Tygiadola.com

Hình 15. Tỷ giá đồng tiền các nước châu Á vs. USD



Nguồn: Bloomberg, cập nhật ngày 29/10/2020

Hình 16. Dự trữ ngoại hối Việt Nam liên tục tăng



Nguồn: IMF

❑ CPI tháng 10 duy trì mức tăng thấp 0,09% MoM và tăng 2,47% YoY

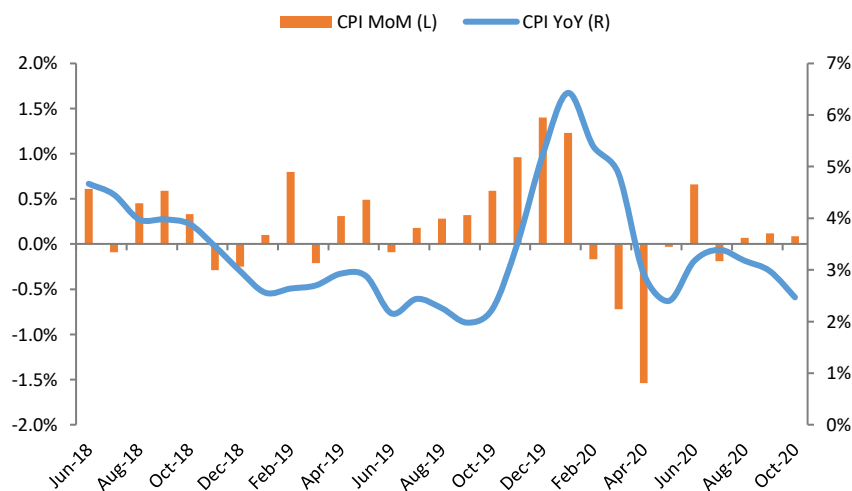
- Giáo dục (+1,35% MoM) và Nhà ở và VLXD (+0,29% MoM) là nhóm ngành tăng giá nhiều nhất so với tháng trước đó nhưng vẫn ghi nhận sự giảm tốc. Trong khi đó, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tiếp tục giảm 0,13% MoM (-0,31% MoM trong T9).
- Các lĩnh vực còn lại thay đổi giá không đáng kể so với T9.

❑ Theo đó, CPI bình quân 10T tăng 3,71% YoY, lạm phát tiếp tục giảm tốc so với 9T (+3,85% YoY).

- Bình quân 10T, CPI Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng cao nhất với mức tăng 11,09%; tiếp theo là Giáo dục (+4,14%), Thuốc và dịch vụ y tế (+2,48%). Ngược lại, Giao thông ghi nhận mức giảm -10,94% YoY, dưới tác động của giá xăng dầu thấp.

- ❑ CPI được kỳ vọng giữ ở mức ổn định thấp do dịch COVID-19 vẫn tiềm ẩn nguy cơ diễn biến phức tạp, dẫn đến tâm lý thận trọng hơn trong chi tiêu của các hộ gia đình, cùng với giá cả các mặt hàng cơ bản như lương thực - thực phẩm, năng lượng và giao thông duy trì ổn định.

Hình 17. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) MoM và YoY



Nguồn: GSO

Bảng 5. CPI theo nhóm ngành (%)

Chỉ tiêu	YoY	YTD	MoM	Bình quân
CPI Chung	2.47	0.09	0.09	3.71
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	9.50	3.06	-0.13	11.09
Đồ uống và thuốc lá	1.39	0.94	0.08	1.56
May mặc, mũ nón, giày dép	0.53	0.08	0.06	0.84
Nhà ở và VLXD	0.70	0.15	0.29	2.07
Thiết bị và đồ dùng gia đình	0.88	0.64	0.00	1.22
Thuốc và dịch vụ y tế	0.57	0.50	0.01	2.48
Giao thông	-13.49	-13.38	-0.08	-10.94
Bưu chính viễn thông	-0.53	-0.35	-0.03	-0.58
Giáo dục	3.85	3.79	1.35	4.14
Văn hóa, giải trí, du lịch	-2.16	-2.28	-0.18	-1.01
Khác	2.27	1.86	0.09	3.04

II. Tổng quan TTCK Việt Nam T10

II- Tổng quan TTCK Việt Nam tháng 10

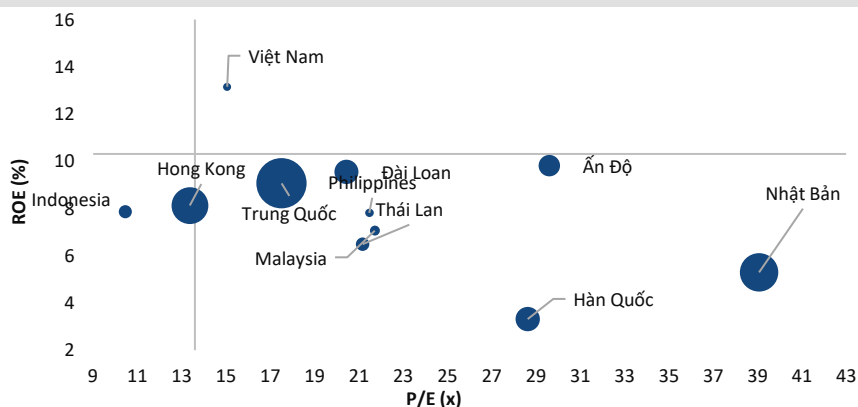
Bảng 6. Tổng quan các chỉ số chính của thị trường chứng khoán Việt Nam

Chỉ số	Thị giá	Vốn hóa	Biến động giá (%)			
	(Điểm)	(Nghìn tỷ VND)	1T	3T	6T	12T
VN-INDEX	921.1	3,427	1.7	13.2	20.1	-7.6
VN30 Index	888.9	2,590	3.5	17.6	24.2	-4.0
VN70 Index	963.2	313	-2.6	14.8	24.0	-1.4
HNX INDEX	134.0	254	0.8	24.1	26.1	27.6
HNX30 Index	246.5	142	-0.9	22.7	22.2	32.5
Upcom Index	62.7	877	1.6	13.5	20.4	11.2
VNFINLEAD	1028.0	881	0.8	19.9	31.1	N/A

Bảng 7. Định giá thị trường

Chỉ số	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VNINDEX	15.1	2.0	13.1
VN30 Index	12.0	2.0	16.4
VN70 Index	11.3	1.0	9.2
HNX INDEX	9.2	1.1	11.9
HNX30 Index	8.6	1.0	11.2
Upcom Index	21.7	2.0	8.9
VNFINLEAD	8.2	1.3	15.6

Hình 18. P/E và ROE của Việt Nam so với các nước khu vực



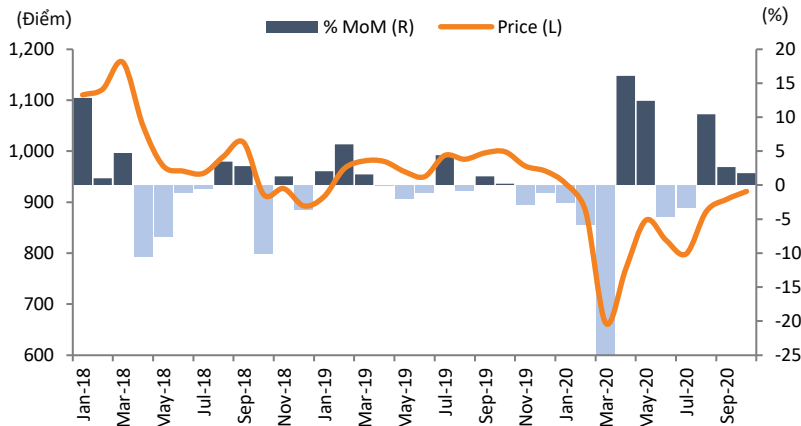
Tóm tắt diễn biến chính thị trường chứng khoán Việt Nam T10/2020

- ❑ VN duy trì xung lực tăng điểm tích cực sang tháng thứ 3 liên tiếp và đóng cửa 925,5 điểm, tăng 1,7% MoM và nhưng thấp hơn 3,7% so với đầu năm.
 - Xung lực tăng được duy trì tích cực suốt 3 tuần đầu tiên của T10 khi VN-Index tiếp cận thành công mốc 960 điểm, tương đương với mức đóng cửa cuối năm 2019.
 - Ở chiều ngược lại, VN-Index điều chỉnh 3,7% trong tuần cuối cùng của T10.
 - Tiêu dùng, thép, BĐS, chứng khoán hỗ trợ đà tăng điểm với dòng tiền tăng vọt lên mức kỷ lục ở hầu hết các nhóm ngành.
 - Khối ngoại bán ròng nhiều nhất kể từ T3.

☐ VN duy trì xung lực tăng điểm tích cực sang tháng thứ 3 liên tiếp và đóng cửa 925,5 điểm, tăng 1,7% MoM và thấp hơn 3,7% so với đầu năm.

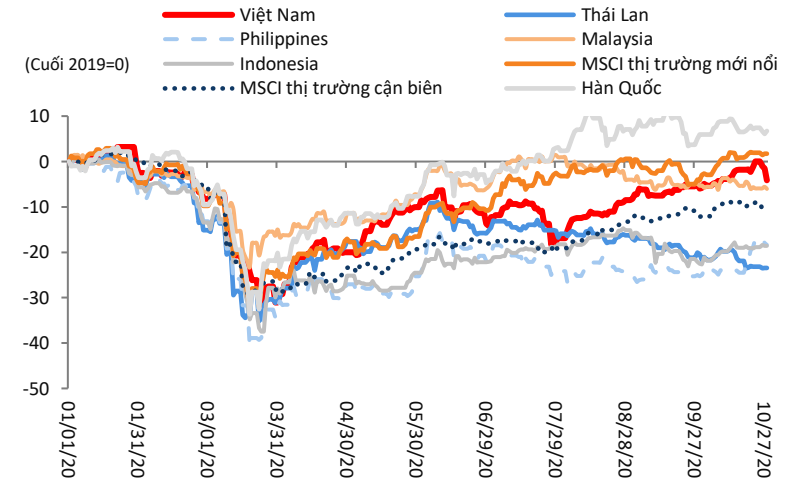
- Xung lực tăng được duy trì tích cực suốt 3 tuần đầu tiên của T10 khi VN-Index tiếp cận thành công mốc 960 điểm, tương đương với mức đóng cửa cuối năm 2019. Mức tăng được hỗ trợ bởi các nhân tố chính, gồm 1) Tâm lý lạc quan của NĐT nội bao trùm sau khi COVID-19 tiếp tục được kiểm soát tốt và các hoạt động kinh tế đang trở lại trạng thái bình thường mới; 2) Các chính sách kích thích kinh tế cả về đầu tư và tiền tệ đang được đẩy mạnh, thúc đẩy thanh khoản thị trường bùng nổ và xác lập mức cao kỷ lục trong T10; 3) KQKD Q3 của nhiều DN chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ và tốt hơn so với kỳ vọng; 4) MSCI nâng tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong danh mục thị trường sơ khai.
- Ở chiều ngược lại, VN-Index điều chỉnh 3,7% trong tuần cuối cùng của T10 khi số ca nhiễm COVID-19 tăng vọt trở lại tại Mỹ và Châu Âu cùng với các mối lo ngại trước thềm bầu cử TT Mỹ đang đến gần. Điều này kích hoạt làn sóng chốt lời mạnh mẽ của NĐT trong nước sau giai đoạn tăng kéo dài và tốt hơn kỳ vọng, trong khi NĐTNN duy trì hoạt động bán ròng mạnh mẽ suốt trọn tháng. Cùng thời điểm, chứng khoán Mỹ cũng lao dốc với S&P giảm 5,6%, ghi nhận tuần giảm điểm sâu nhất kể từ T3.

Hình 19. Diễn biến VN-Index theo tháng



Nguồn: Bloomberg, cập nhật ngày 28/10/2020

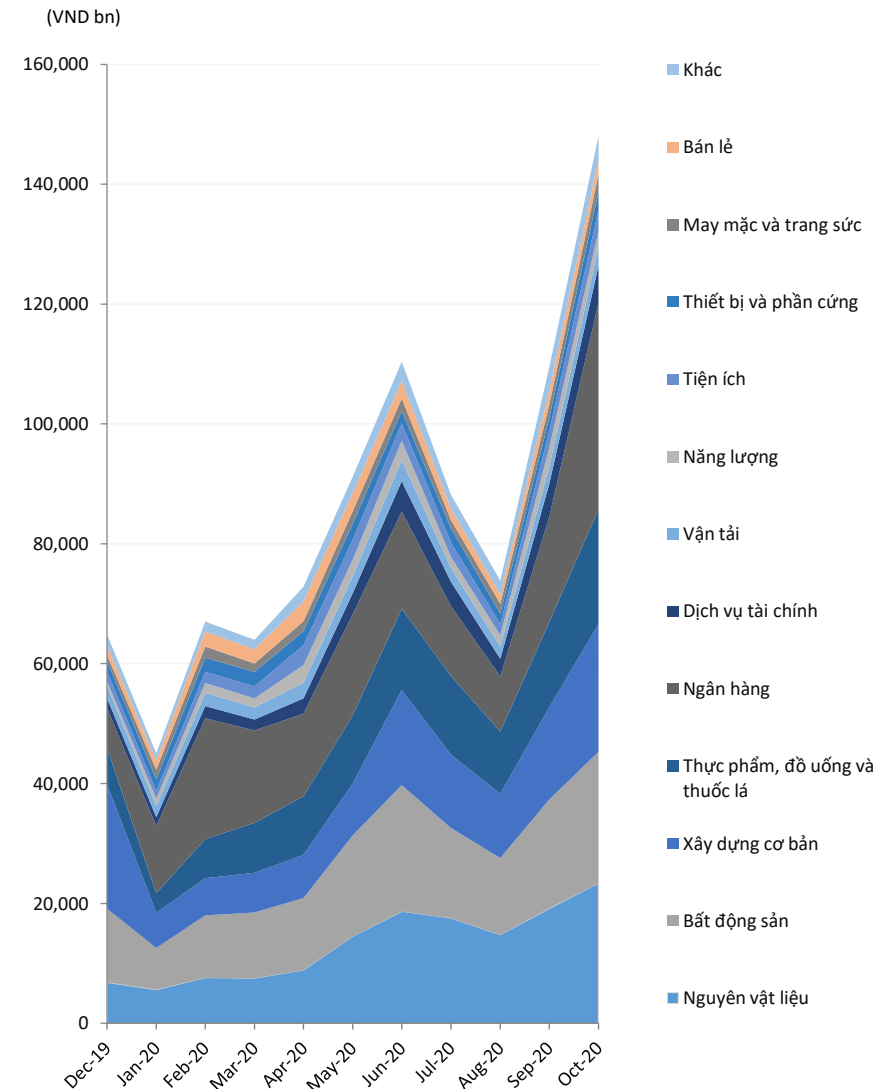
Hình 20. VN-Index với ASEAN, EM, Frontier YTD



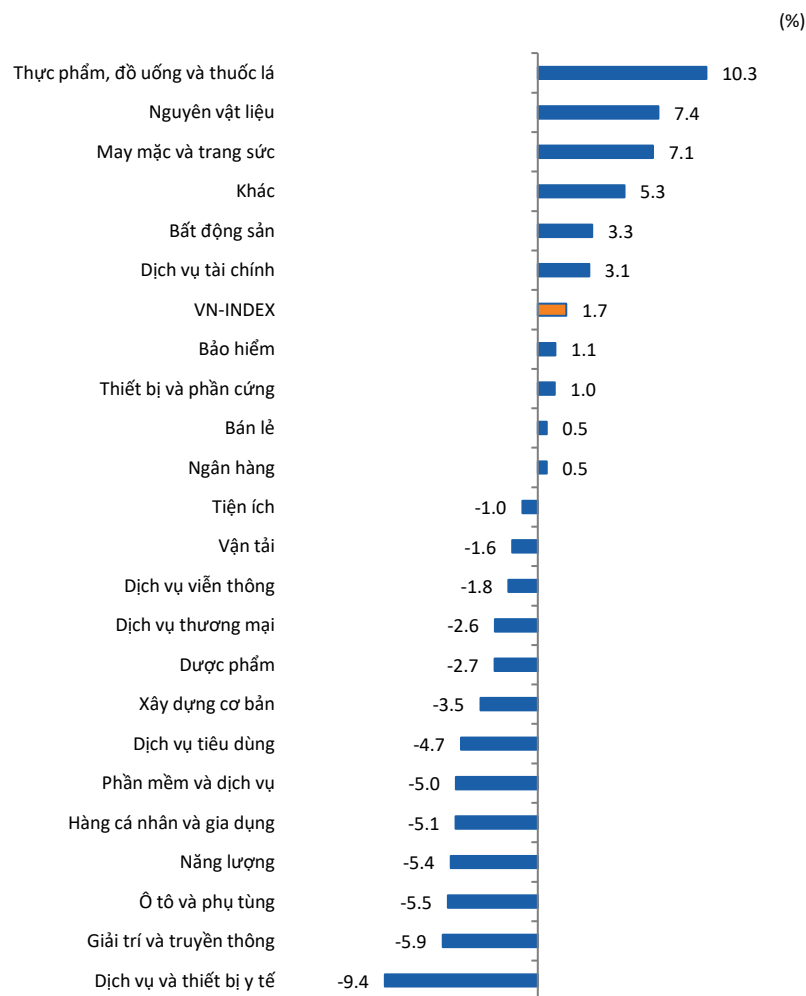
Bảng 8. Biến động các nhóm ngành T10/2020

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Vốn hóa	Biến động giá (%)				P/E	P/B	ROE
	(Tỷ VND)	1T	3T	9T	12T	(x)	(x)	(%)
Ngân hàng	857,134.4	0.5	13.8	-7.5	2.7	16.8	2.0	15.3
Bất động sản	851,430.0	3.3	9.5	-7.9	-8.5	27.6	2.7	16.2
Thực phẩm, đồ uống	535,608.6	10.3	23.5	12.0	-4.2	41.0	6.4	20.8
Tiện ích	209,140.4	-1.0	5.2	-17.8	-24.3	13.8	2.0	13.4
Nguyên vật liệu	179,701.6	7.4	28.2	37.2	66.7	7.9	1.2	14.8
Vận tải	136,792.5	-1.6	11.1	-12.8	-15.5	1.9	1.7	-13.0
Xây dựng cơ bản	102,989.2	-3.5	13.3	10.0	5.7	6.0	0.4	6.3
Năng lượng	68,904.2	-5.4	11.3	-16.7	-18.2	44.5	2.1	5.1
Khác	65,420.4	5.2	22.1	0.0	-0.2	14.0	0.0	5.4
Bán lẻ	54,473.9	0.5	34.6	-3.6	-10.7	11.7	2.7	23.3
Bảo hiểm	43,096.7	1.1	17.7	-23.4	-26.5	25.6	1.7	5.8
Thiết bị và phần cứng	41,962.8	1.0	11.8	8.3	5.5	11.4	2.4	23.2
Dịch vụ tài chính	36,237.2	3.1	29.5	7.3	6.7	3.1	0.0	2.5
Dược phẩm	31,422.3	-2.7	8.5	11.1	9.6	13.6	2.2	13.8
May mặc và trang sức	25,086.7	7.1	28.5	-7.4	-5.7	11.1	1.9	13.1
Hàng cá nhân và gia dụng	7,832.0	-5.1	18.9	5.8	8.5	5.8	1.2	16.1
Dịch vụ tiêu dùng	7,126.0	-4.7	-2.8	-20.6	-21.6	97.8	0.7	0.3
Ô tô và phụ tùng	6,163.0	-5.5	14.1	-0.4	-1.7	6.1	0.8	8.9
Dịch vụ thương mại	3,834.2	-2.6	1.1	-11.8	-27.6	11.1	0.0	6.7
Phần mềm và dịch vụ	3,631.4	-5.0	15.8	-3.9	-12.2	0.0	0.0	0.0
Giải trí và truyền thông	1,384.1	-5.9	-10.2	19.3	-19.1	18.6	1.2	6.7
Dịch vụ và thiết bị y tế	825.6	-9.4	20.2	20.6	-0.5	0.0	0.0	0.0
Dịch vụ viễn thông	402.6	-1.8	-5.2	8.8	-18.2	0.0	0.0	0.0

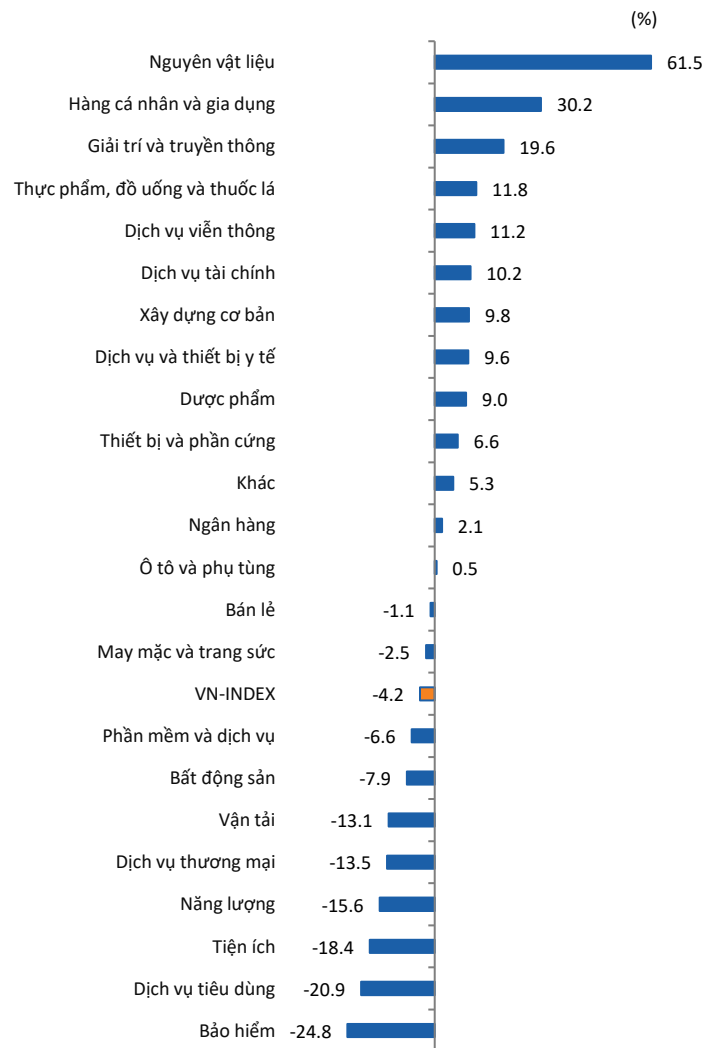
Hình 21. Dòng tiền tăng vọt lên mức cao kỉ lục ở hầu hết các nhóm ngành



Hình 22. Biến động của VN-Index và các nhóm ngành MTD



Hình 23. Biến động của VN-Index và các nhóm ngành YTD



Bảng 9. Top 10 cổ phiếu tác động VN-Index T10/2020: Chiều tăng điểm

Mã CP	Nhóm ngành	Vốn hóa	Giá hiện tại	% Thay đổi
		(Tỷ VND)	(VND)	(1 Tháng)
MSN VN	Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	98,321	83,700	57.51
VIC VN	Bất động sản	356,846	105,500	9.51
HPG VN	Nguyên vật liệu	100,724	30,400	15.15
CTG VN	Ngân hàng	110,027	29,550	12.62
GVR VN	Bất động sản	57,800	14,450	8.50
LGC VN	Vận tải	12,150	63,000	12.70
PDR VN	Bất động sản	15,106	40,800	9.33
DIG VN	Xây dựng cơ bản	5,919	19,300	25.25
GAS VN	Tiện ích	133,020	69,500	0.84
PNJ VN	May mặc và trang sức	16,006	71,100	8.37

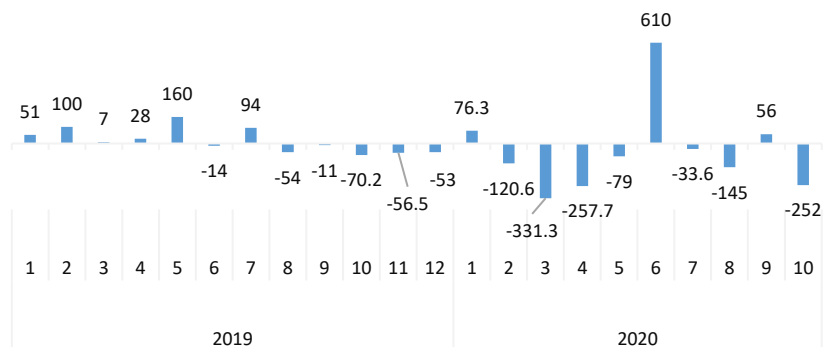
Bảng 10. Top 10 cổ phiếu tác động VN-Index T10/2020: Chiều giảm điểm

Mã CP	Nhóm ngành	Vốn hóa	Giá hiện tại	% Thay đổi
		(Tỷ VND)	(VND)	(1 Tháng)
BID VN	Ngân hàng	155,049	38,550	(3.68)
VRE VN	Bất động sản	57,831	25,450	(7.61)
PLX VN	Năng lượng	58,869	48,300	(5.57)
VNM VN	Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	224,428	107,400	(1.38)
HVN VN	Vận tải	35,032	24,700	(7.49)
GEX VN	Xây dựng cơ bản	8,859	18,850	(19.66)
NVL VN	Bất động sản	60,908	61,800	(2.97)
HDB VN	Ngân hàng	30,011	23,900	(4.47)
VPB VN	Ngân hàng	57,409	23,550	(2.32)
POW VN	Tiện ích	22,224	9,490	(5.56)

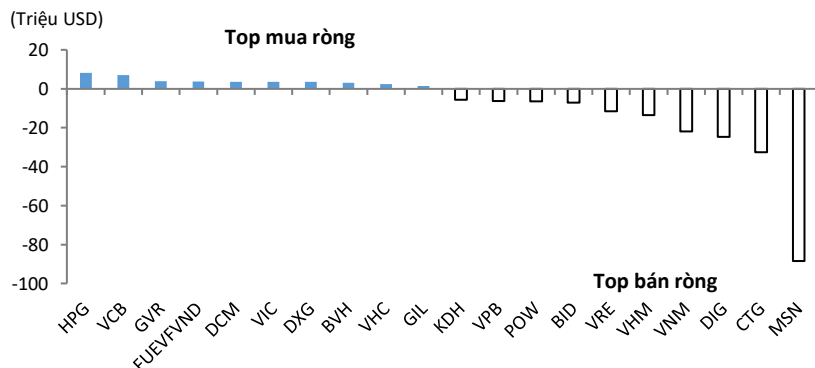
Nguồn: Bloomberg, cập nhật ngày 28/10/2020

- ❑ **Khối ngoại nhanh chóng trở lại bán ròng hơn 291 triệu USD trên sàn HSX trong T10 (tính đến 30/10), mức cao nhất kể từ T3.**
 - Khối ngoại trọn tháng bán ròng, tập trung vào MSN, tiếp đến là CTG, DIG, VNM, VRE.... Ngược lại, hoạt động mua ròng của nhóm cá nhân và tổ chức trong nước và tự doanh đã hỗ trợ thị trường trong tháng qua.
 - Nhóm quỹ mở cùng chiều bán ròng của khối ngoại nói chung với tổng mức bán ròng 16,9 triệu USD.
 - Xu thế bán ròng tiếp tục duy trì ở các thị trường ASEAN.
- ❑ **Hoạt động bán ròng của khối ngoại được kì vọng hạ nhiệt trong T11 khi MSCI có thể giải ngân ~60 triệu USD cho đợt đầu tiên sau khi Việt Nam được nâng tỷ trọng trong danh mục Frontier Markets. MSCI cũng sẽ giải ngân thêm 4 đợt nữa với tổng giá trị khoảng 240 triệu USD đến tháng 11/2021.**

Hình 24. Mua/bán ròng của khối ngoại trên HOSE (triệu USD)



Hình 25. Top 10 mua/bán ròng của NĐTNN trong T10 (triệu USD)



Bảng 11. Dòng vốn nước ngoài ròng ở các thị trường Châu Á

Quốc gia Triệu USD	MTD	QTD	YTD	12M
Ấn Độ	2,328.0	2,328.0	6,368.1	11,945.3
Hàn Quốc	1,142.1	1,142.1	(23,097.7)	(25,084.7)
Đài Loan	1,058.3	1,058.3	(21,122.2)	(17,735.2)
Sri Lanka	(25.8)	(25.8)	(237.9)	(279.8)
Malaysia	(65.2)	(65.2)	(5,288.1)	(5,983.4)
Philippines	(103.0)	(103.0)	(2,120.0)	(2,535.3)
Việt Nam	(251.6)	(251.6)	(476.9)	(588.6)
Indonesia	(251.7)	(251.7)	(3,185.1)	(3,154.1)
Thái Lan	(445.2)	(445.2)	(9,193.3)	(10,371.1)

Bảng 12. Sự kiện tháng 10

#	Sự kiện	Nội dung	Thời gian	Đánh giá
1	NHNN lần thứ 3 hạ lãi suất điều hành trong năm 2020	NHNN đã hạ lãi suất lần thứ ba trong năm 2020 xuống mức thấp kỉ lục, có hiệu lực từ 1/10/2020, trong nỗ lực giảm chi phí vốn và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng nhằm hỗ trợ các hoạt động kinh tế. Cụ thể, lãi suất tái chiết khấu giảm 50bps xuống 2,5%, lãi suất tái cấp vốn giảm 50bps xuống 4%.	1/10/2020	Tích cực
2	Cơ cấu bộ chỉ số VN30, VNDiamond Index, và VNFindLead	VNDiamond Index đã loại DXG khỏi danh mục trong kỳ cơ cấu này và không thêm mới cổ phiếu nào. Trong khi đó, 2 bộ chỉ số VN30 Index và VNFinLead không có sự thay đổi về thành phần cổ phiếu trong kỳ cơ cấu này. Danh mục cổ phiếu thành phần sẽ có hiệu lực vào ngày 2/11/2020.	19/10/2020	Trung tính
3	Nghị quyết 154 mở rộng đối tượng nhận tiền hỗ trợ ảnh hưởng COVID-19	Nghị quyết 154/NQ-CP đã mở rộng hỗ trợ cho người lao động tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục ở các cấp phải tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên do ảnh hưởng COVID-19.	19/10/2020	Tích cực
4	Trung Quốc giữ nguyên lãi suất cho vay	Trung Quốc giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn một năm và 5 năm tại mức lần lượt là 3,85% và 4,65% như kỳ vọng từ thị trường.	20/10/2020	Trung tính
5	ECB không thay đổi lãi suất chủ chốt	ECB quyết định vẫn duy trì lãi suất cơ bản ở mức 0%, với lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi lần lượt là 0,25% và -0,5%.	29/10/2020	Trung tính
6	GDP Mỹ tăng kỷ lục trong 3Q2020	Bộ Thương mại Mỹ vừa công bố GDP 3Q20 của nước này tăng 33,1% YoY. Tốc độ này cao hơn khảo sát của Dow Jones và các nhà kinh tế học (32%). So với quý trước, GDP Mỹ tăng 7,4%.	29/10/2020	Tích cực
7	Hàng loạt nước châu Âu tái phong tỏa toàn quốc	Pháp cấm người dân tự ý rời khỏi nhà từ ngày 30/10. Các quán bar, nhà hàng cũng sẽ đóng cửa cho đến ít nhất tháng 12 và việc đi lại giữa các khu vực sẽ bị hạn chế. Quốc hội Tây Ban Nha quyết định gia hạn thêm 6 tháng tình trạng khẩn cấp. Đức áp dụng các biện pháp hạn chế ở mức độ nhẹ từ ngày 2/11 đến 30/11. Người Đức được yêu cầu tránh tất cả hoạt động đi lại không cần thiết, chỉ cho phép lưu trú qua đêm vì "mục đích phi du lịch" Anh thông báo tái phong tỏa toàn quốc từ 31/10 trong bối cảnh làn sóng lây nhiễm thứ hai đe dọa quá tải dịch vụ y tế nước này	31/10/2020	Tiêu cực

Nguồn: Mirae Asset Vietnam tổng hợp

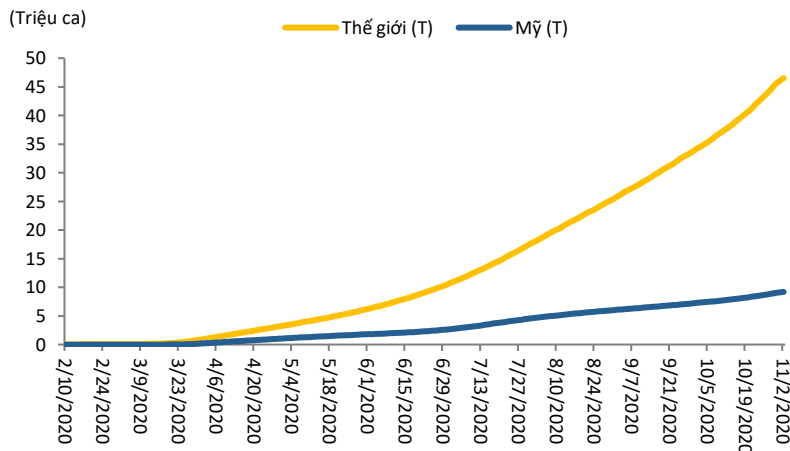
III- Triển vọng VN-Index T11

- ☐ Mức độ biến động của thị trường đang gia tăng do COVID và Bầu cử Mỹ, nhưng chưa đến lúc phải lo lắng
- ☐ VN-Index được dự báo vận động rộng hơn trong vùng 900-980, trong đó thị trường có khả năng rung lắc mạnh quanh 960
- ☐ Kết quả kinh doanh Q3 khởi sắc hơn kì vọng

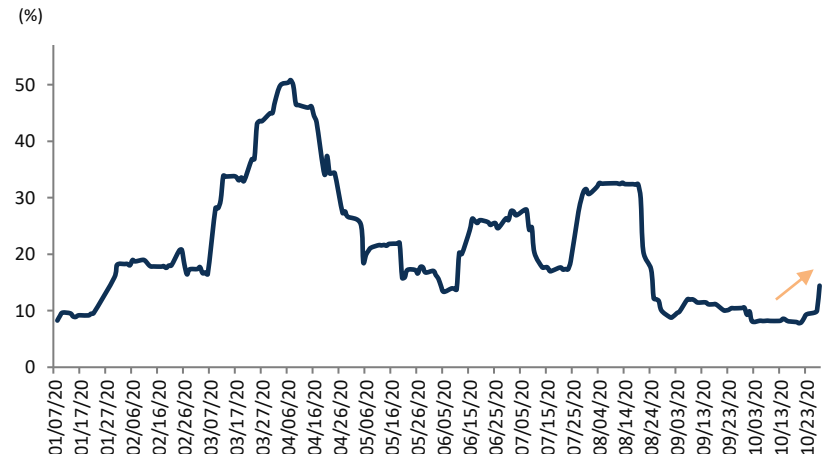
☐ **Mức độ biến động của thị trường đang gia tăng do COVID và Bầu cử Mỹ, nhưng chưa đến lúc phải lo lắng.**

- Số ca nhiễm COVID-19 mới tại Châu Âu và Mỹ tăng vọt trở lại trong thời gian gần đây, làm tăng mối lo ngại về một đợt bùng phát dịch mới vào mùa Thu Đông. Theo đó, các nền kinh tế chủ chốt của EU, như Đức và Pháp, một lần nữa tiến hành các lệnh phong tỏa mới nhằm hạn chế lây lan của dịch bệnh. TTCK thế giới lao dốc ngay lập tức vào tuần cuối T10. Dù vậy, khác với đợt phong tỏa lần 1, các nền kinh tế vẫn đang vận hành trong điều kiện bình thường mới, giúp giảm thiểu tối đa các thiệt hại lên tiến trình phục hồi kinh tế. Tăng trưởng kinh tế của Khu vực Eurozone trong Q3 đạt 12,7% QoQ trong khi Mỹ cũng công bố tăng trưởng Q3 đạt kỉ lục 33,1% QoQ, sau khi lao dốc trong Q2. Điều này cho thấy các nền kinh tế chủ chốt đang bù đắp được một số thiệt hại do COVID-19 gây ra trong thời gian đầu. Về cơ bản, chúng tôi cho rằng các nước khó có thể áp đặt một lệnh phong tỏa toàn diện lên các hoạt động kinh tế cho dù số ca nhiễm COVID-19 đang gia tăng.
- Cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ sẽ chính thức diễn ra vào ngày 3/11 với các diễn biến khó lường. Đáng chú ý, số lượng phiếu bầu qua bưu điện gia tăng trong năm nay sẽ khiến cho việc xem ai là người chiến thắng trở nên khó khăn. Vì vậy, chúng tôi cho rằng sẽ có sự chậm trễ với một số kết quả. Và cho đến khi kết quả bầu cử được xác định, TTCK toàn cầu sẽ còn biến động xung quanh sự kiện quan trọng này. Cuối cùng, cho dù Trump hay Biden thắng cử, Việt Nam vẫn được hưởng lợi từ quá trình tái cơ cấu chuỗi cung ứng, vốn khó bị đảo lộn trong trung hạn. Nếu TT Trump thắng cử, điều mà NĐT toàn cầu có vẻ ưa thích hơn, chúng tôi tin rằng thị trường trong nước có thể bật tăng tốt.

Hình 26. Số ca nhiễm COVID-19 thế giới đang tăng nhanh trở lại



Hình 27. Mức độ biến động thị trường đang gia tăng

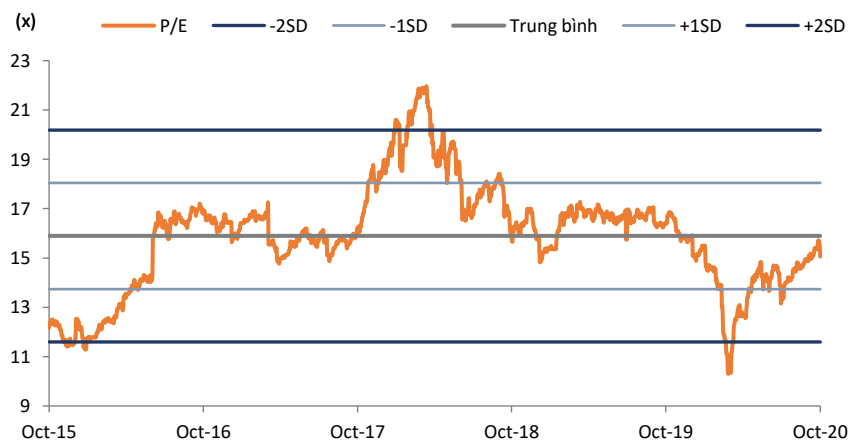


❑ **Rủi ro của thị trường trong nước không quá lớn nhờ được hỗ trợ vững chắc bởi nền tảng nội tại. Theo đó, VN-Index được dự báo sẽ giữ được xu thế tăng với mục tiêu trong kịch bản khả quan là 980 điểm (+6% MoM). Trong đó, thị trường nhiều khả năng rung lắc quanh mốc kháng cự 960.**

- Việt Nam tiếp tục kiểm soát rất tốt dịch bệnh trong hơn 2 tháng qua, bất chấp tình hình dịch bệnh khó lường tại nhiều nước. Theo đó, các hoạt động kinh tế trong nước đánh dấu sự khởi sắc rõ rệt trong T10 ở nhiều lĩnh vực quan trọng, từ sản xuất đến tiêu dùng, đầu tư và XNK, khẳng định xu thế phục hồi vững chắc của nền kinh tế.
- Chính phủ được kì vọng sẽ đẩy nhanh hơn nữa các giải pháp kích thích kinh tế trên cả khía cạnh tài khóa và tiền tệ nhằm tạo ra nhiều không gian tăng trưởng cho Q4 và 2021. Gói kích thích kinh tế lần 2, trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp, được kì vọng sẽ đóng vai trò bổ trợ, đảm bảo nền kinh tế sẽ phục hồi đúng lộ trình, một khi được thông qua và triển khai.
- TTCK tiếp tục được hưởng lợi từ thanh khoản dồi dào, vốn là nhân tố quan trọng thúc đẩy TTCK trong thời gian qua.
- KQKD Q3 tốt hơn kì vọng, giúp làm giảm áp lực định giá trong ngắn hạn. Thống kê 435 DN đã công bố KQKD Q3 trên HOSE và HNX cho đến ngày 30/10 ghi nhận LN ròng tăng 10,2% YoY sau khi Doanh thu thuần tăng 6,4%. Bức tranh lợi nhuận DN đánh dấu sự khởi sắc rõ nét trong Q3 sau khi suy giảm đáng kể trong 2 quý đầu năm. Các nhóm ngành TC-NH, BĐS, Vật liệu xây dựng và Tiêu dùng đóng vai trò dẫn dắt.

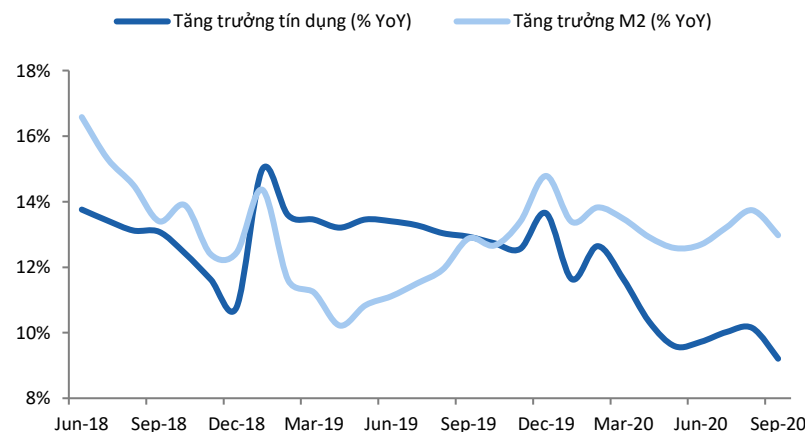
❑ **Bất chấp các rủi ro ngắn hạn bên ngoài gia tăng, chúng tôi không đánh giá cao khả năng thị trường sẽ phá vỡ xu thế tăng trung hạn. Mốc 900 điểm đang được đánh giá là ngưỡng hỗ trợ quan trọng cho VN-Index trong T11.**

Hình 28. Áp lực định giá suy giảm



Nguồn: Mirae Asset Vietnam, Bloomberg, cập nhật ngày 28/10/2020

Hình 29. Thanh khoản tự do tiếp tục gia tăng



Nguồn: Mirae Asset Vietnam, Fiinpro, SBV, GSO cập đến ngày 30/09/2020

Bảng 12. Sự kiện tháng 11

#	Sự kiện	Nội dung	Thời gian
1	PMI tháng 10 của Trung Quốc	Chỉ số PMI sản xuất chung của Trung Quốc ít thay đổi ở mức 53,0 trong T9/2020, thấp hơn so với dự báo của thị trường là 53,1 cho thấy sản xuất tiếp tục duy trì đà phục hồi sau dịch COVID-19	2/11/2020
2	Bầu cử Tổng thống Mỹ	Bầu cử Tổng thống Mỹ	3/11/2020
3	Fed họp về lãi suất	Fed duy trì mục tiêu lãi suất liên bang không đổi ở mức 0-0,25% ít nhất đến năm 2023.	6/11/2020
4	Lạm phát tháng 10 Trung Quốc	Tỷ lệ lạm phát một năm của Trung Quốc đã giảm xuống 1,7% trong T9/2020 từ 2,4% trong T8/2020 và thấp hơn một chút so với kỳ vọng của thị trường là 1,8%. Đây là mức thấp nhất kể từ T2/2019	10/11/2020
5	Lạm phát tháng 10 Mỹ	Tỷ lệ lạm phát một năm ở Mỹ tăng lên 1,4% trong T9/2020 từ mức 1,3% trong T8/2020, phù hợp với kỳ vọng và đạt mức cao nhất kể từ T3/2020. Lạm phát đã tăng liên tục kể từ mức 0,1% vào T5/2020, mức thấp nhất kể từ T9/2015	12/11/2020
6	Lạm phát tháng 10 Anh	Tỷ lệ lạm phát một ở Vương quốc Anh đã tăng lên 0,5% vào T9/2020 từ mức thấp nhất trong 5 năm là 0,2% vào T8/2020, ngang với dự báo của thị trường.	18/11/2020

Nguồn: Mirae Asset Vietnam tổng hợp

Stock Ratings		Industry Ratings	
Buy	: Relative performance of 20% or greater	Overweight	: Fundamentals are favorable or improving
Trading Buy	: Relative performance of 10% or greater, but with volatility	Neutral	: Fundamentals are steady without any material changes
Hold	: Relative performance of -10% and 10%	Underweight	: Fundamentals are unfavorable or worsening
Sell	: Relative performance of -10%		

Ratings and Target Price History (Share price (—), Target price (—), Not covered (■), Buy (▲), Trading Buy (■), Hold (●), Sell (◆))

* Our investment rating is a guide to the relative return of the stock versus the market over the next 12 months.

* Although it is not part of the official ratings at Mirae Asset Daewoo Co., Ltd., we may call a trading opportunity in case there is a technical or short-term material development.

* The target price was determined by the research analyst through valuation methods discussed in this report, in part based on the analyst's estimate of future earnings.

* The achievement of the target price may be impeded by risks related to the subject securities and companies, as well as general market and economic conditions.

Analyst Certification

The research analysts who prepared this report (the "Analysts") are subject to Vietnamese securities regulations. They are neither registered as research analysts in any other jurisdiction nor subject to the laws and regulations thereof. Opinions expressed in this publication about the subject securities and companies accurately reflect the personal views of the Analysts primarily responsible for this report. Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS) policy prohibits its Analysts and members of their households from owning securities of any company in the Analyst's area of coverage, and the Analysts do not serve as an officer, director or advisory board member of the subject companies. Except as otherwise specified herein, the Analysts have not received any compensation or any other benefits from the subject companies in the past 12 months and have not been promised the same in connection with this report. No part of the compensation of the Analysts was, is, or will be directly or indirectly related to the specific recommendations or views contained in this report but, like all employees of MAS, the Analysts receive compensation that is determined by overall firm profitability, which includes revenues from, among other business units, the institutional equities, investment banking, proprietary trading and private client division. At the time of publication of this report, the Analysts do not know or have reason to know of any actual, material conflict of interest of the Analyst or MAS except as otherwise stated herein.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.

Mirae Asset Daewoo International Network

Mirae Asset Daewoo Co., Ltd. (Seoul)

Global Equity Sales Team

Mirae Asset Center 1 Building

26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539

Korea

Tel: 82-2-3774-2124

Mirae Asset Securities (USA) Inc.

810 Seventh Avenue, 37th Floor

New York, NY 10019

USA

Tel: 1-212-407-1000

PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia

Equity Tower Building Lt. 50

Sudirman Central Business District

Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-53 Jakarta Selatan 12190

Indonesia

Tel: 62-21-515-3281

Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC

#406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17

1 Khoroov, Sukhbaatar District

Ulaanbaatar 14240

Mongolia

Tel: 976-7011-0806

Shanghai Representative Office

38T31, 38F, Shanghai World Financial Center

100 Century Avenue, Pudong New Area Shanghai 200120

China

Tel: 86-21-5013-6392

Mirae Asset Securities (HK) Ltd.

Unit 8501, International Commerce Centre,

1 Austin Road West, Kowloon,

Hong Kong

China

Tel: 852-2845-6332

Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.

555 S. Flower Street, Suite 4410,

Los Angeles, California 90071

USA

Tel: 1-213-262-3807

Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.

6 Battery Road, #11-01

Singapore 049909

Republic of Singapore

Tel: 65-6671-9845

Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd

2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers

B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022

China

Tel: 86-10-6567-9699

Ho Chi Minh Representative Office

7F, Saigon Royal Building

91 Pasteur St.

District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City

Vietnam

Tel: 84-8-3910-2222 (ext.110)

Mirae Asset Securities (UK) Ltd.

41st Floor, Tower 42

25 Old Broad Street,

London EC2N 1HQ

United Kingdom

Tel: 44-20-7982-8000

Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM

Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building Vila Olimpia

Sao Paulo - SP

04551-060

Brasil

Tel: 55-11-2789-2100

Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC

7F, Le Meridien Building

3C Ton Duc Thang St.

District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City

Vietnam

Tel: 84-8-3910-2222 (ext.110)

Beijing Representative Office

2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers

B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022

China

Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)